

THÔNG BÁO
TUYỂN SINH SAU ĐẠI HỌC NĂM 2022

Trường Đại học Y khoa Vinh thông báo tuyển sinh Sau đại học năm 2022 như sau:

1. NGÀNH/CHUYÊN NGÀNH, CHỈ TIÊU, HÌNH THỨC ĐÀO TẠO, HỌC PHÍ

1.1. Đào tạo trình độ thạc sĩ (Khóa 2)

- Ngành tuyển sinh : Y tế công cộng
- Chỉ tiêu tuyển sinh dự kiến : 20 chỉ tiêu
- Hình thức đào tạo : Tập trung 02 năm
- Địa điểm đào tạo : Tại Trường Đại học Y khoa Vinh

1.2. Đào tạo trình độ chuyên khoa cấp I (Khóa 6)

- Chuyên ngành tuyển sinh : Nội khoa
- Chỉ tiêu tuyển sinh dự kiến : 30 chỉ tiêu
- Hình thức đào tạo : Tập trung 02 năm
- Địa điểm đào tạo : Tại Trường Đại học Y khoa Vinh

1.3. Học phí

Tạm thu theo Quyết định số 763/QĐ-ĐHYKV ngày 05/10/2021 của Hiệu trưởng Trường ĐHYKV về việc Quy định mức thu học phí năm học 2021-2022. Mức tạm thu 2.145.000 đồng/tháng/học viên (*Sẽ điều chỉnh mức thu khi có văn bản mới thay thế Quyết định số 763/QĐ-ĐHYKV ngày 05/10/2021 của Hiệu trưởng Trường ĐHYKV*).

2. ĐIỀU KIỆN DỰ TUYỂN

Người dự tuyển phải có đủ sức khỏe để học tập theo quy định và hiện không bị truy cứu trách nhiệm hình sự. Các điều kiện khác theo nhóm trình độ như sau:

2.1. Dự tuyển trình độ thạc sĩ

2.1.1. Điều kiện về văn bằng.

Người dự tuyển phải có một trong các điều kiện sau:

a) Đã tốt nghiệp hoặc đã đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) ngành đúng hoặc ngành phù hợp với chuyên ngành dự tuyển (Ngành đúng, ngành phù hợp gồm: Cử nhân Y tế công cộng, Bác sĩ Y học dự phòng).

b) Đã tốt nghiệp hoặc đã đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) ngành gần với chuyên ngành đăng ký dự thi và có chứng chỉ học bổ sung kiến thức khi nộp hồ sơ (Ngành gần gồm: Y khoa, Bác sĩ Y học cổ truyền, Bác sĩ Răng hàm mặt, Dược sĩ, Điều dưỡng, Hộ sinh, Dinh dưỡng, Kỹ thuật xét nghiệm y học, Kỹ thuật hình ảnh y học, Kỹ thuật phục hồi chức năng, Kỹ thuật phục hình răng, Tổ chức và quản lý y tế, Quản lý bệnh viện, Y sinh học thể dục thể thao).

c) Đã tốt nghiệp hoặc đã đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) khác với chuyên ngành đăng ký dự thi và có chứng chỉ học bổ sung kiến thức khi nộp hồ sơ (Ngành khác gồm: Sinh học, Môi trường, Dân số, Kinh tế, Hóa học, Xã hội học, Nhân học).

2.1.2. Điều kiện thâm niên công tác (tính đến ngày nộp hồ sơ)

- Những người đã tốt nghiệp hoặc đã đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) ngành đúng, ngành phù hợp với ngành Y tế công cộng được dự thi ngay.

- Những người tốt nghiệp đại học ngành gần với ngành Y tế công cộng phải có ít nhất 01 năm công tác trong ngành y tế hoặc quản lý sức khỏe.

- Những người tốt nghiệp đại học ngành khác với ngành Y tế công cộng phải có ít nhất 02 (hai) năm công tác trong ngành y tế hoặc quản lý sức khỏe.

2.2. Dự tuyển trình độ chuyên khoa cấp I

2.2.1. Điều kiện về văn bằng.

- Có bằng tốt nghiệp Bác sĩ y khoa (Bác sĩ đa khoa). Riêng đối với những Bác sĩ làm việc liên tục trong chuyên ngành nội khoa từ trước ngày 01/01/2012 (ngày Thông tư số 41/2011/TT-BYT có hiệu lực) cho đến ngày đăng ký dự thi thì được dự thi chuyên ngành đang làm việc.

- Có chứng chỉ hành nghề (theo quy định tại Luật Khám bệnh, chữa bệnh).

2.2.2. Điều kiện thâm niên công tác (tính đến ngày nộp hồ sơ)

Đối với trường hợp phạm vi hoạt động chuyên môn trong chứng chỉ hành nghề đã được cấp khác với chuyên ngành dự thi, thì phải có xác nhận của thủ trưởng cơ sở khám bệnh, chữa bệnh về thâm niên công tác tối thiểu 12 tháng trong chuyên ngành nội khoa.

2.3. Điều kiện khác

- Các đối tượng không thuộc viên chức trong các cơ sở y tế công lập, nếu có nhu cầu học tập phải đóng kinh phí đào tạo theo đúng quy định của Nhà nước. Tạm thu theo mức: 14.500.000 đồng/năm/học viên.

- Người nước ngoài muốn học thạc sĩ, chuyên khoa cấp I ở Việt Nam phải có đủ các điều kiện quy định ở trên và được Bộ Ngoại giao nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam giới thiệu.

3. HÌNH THỨC VÀ MÔN THI TUYỂN

3.1. Hình thức tuyển sinh: Thi tuyển

3.2. Môn thi:

3.2.1. Dự tuyển trình độ thạc sĩ: Thi 03 môn

- Môn 1: Cơ sở (Dịch tễ học)
- Môn 2: Chuyên ngành (Tổ hợp môn Sức khỏe môi trường - Tổ chức và Quản lý y tế - Sức khỏe nghề nghiệp - Dinh dưỡng và An toàn thực phẩm)
- Môn 3: Ngoại ngữ (tiếng Anh). Đề thi tương đương trình độ bậc 3/6 khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam. Các trường hợp được miễn thi ngoại ngữ xem phần phụ lục.

3.2.2. Dự tuyển trình độ chuyên khoa cấp I: Thi 02 môn

- Môn 1: Cơ sở (Sinh lý)
- Môn 2: Chuyên ngành (Nội khoa)

4. ĐỐI TƯỢNG VÀ CHÍNH SÁCH ƯU TIÊN

4.1. Đối tượng

Người dự tuyển thuộc đối tượng ưu tiên khi đáp ứng một trong các điều kiện sau:

a) Người có thời gian công tác liên tục từ 02 năm trở lên (tính đến ngày đăng ký dự thi) tại các địa phương được quy định là khu vực 1 trong Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy hiện hành. Trong trường hợp này, người dự tuyển phải có quyết định tiếp nhận công tác, tuyển dụng của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền.

b) Thương binh, người hưởng chính sách như thương binh;

c) Con liệt sĩ;

d) Anh hùng lực lượng vũ trang, Anh hùng lao động;

e) Người dân tộc thiểu số hiện có hộ khẩu thường trú từ 02 năm trở lên (tính đến ngày đăng ký dự thi) ở địa phương được quy định là Khu vực 1;

f) Con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học, được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh công nhận bị dị dạng, dị tật, suy giảm khả năng tự lực trong sinh hoạt, học tập do hậu quả của chất độc hóa học.

4.2. Chính sách ưu tiên

Người dự tuyển chỉ được xét ưu tiên khi nộp đầy đủ giấy tờ pháp lý minh chứng về đối tượng ưu tiên. Không giải quyết các trường hợp nộp bổ sung sau khi nhà trường xét duyệt hồ sơ. Người thuộc nhiều đối tượng ưu tiên chỉ được hưởng 01 diện ưu tiên cao nhất.

4.2.1. Dự tuyển trình độ thạc sĩ

Người dự tuyển thuộc diện ưu tiên được cộng vào kết quả thi 10 điểm cho môn ngoại ngữ (thang điểm 100) nếu không thuộc diện được miễn thi ngoại ngữ và 01 điểm cho môn cơ sở (thang điểm 10).

4.2.2. Dự tuyển chuyên khoa cấp I

Người dự tuyển thuộc diện ưu tiên được cộng vào kết quả thi 01 điểm cho môn cơ sở (thang điểm 10).

5. HỒ SƠ TUYỂN SINH

5.1. Đơn đăng ký dự thi có xác nhận của cơ quan quản lý nhân sự;

5.2. Sơ yếu lý lịch có dán ảnh, đóng dấu xác nhận của cơ quan có thẩm quyền (cơ quan, đơn vị quản lý nhân sự, xã phường đối với thí sinh tự do);

5.3. Công văn hoặc quyết định cử đi thi tuyển của cơ quan chủ quản có thẩm quyền quyết định nhân sự;

5.4. Bản sao công chứng bằng điểm và bằng tốt nghiệp đại học. Trường hợp tốt nghiệp đại học ở nước ngoài phải nộp giấy xác nhận văn bằng của Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục, Bộ Giáo dục và Đào tạo;

5.5. Bản sao Hợp đồng lao động hoặc quyết định bổ nhiệm, tuyển dụng viên chức, quyết định phân công công tác để chứng minh thâm niên công tác.

Giấy xác nhận thâm niên chuyên ngành tối thiểu 12 tháng tính đến thời điểm dự thi đối với người dự tuyển chuyên khoa cấp I có chứng chỉ hành nghề lĩnh vực khác chuyên ngành nội khoa.

5.6. Bản sao công chứng

a) Văn bằng, bằng điểm/chứng chỉ ngoại ngữ theo quy định đối với những trường hợp thuộc diện miễn thi môn ngoại ngữ;

b) Chứng chỉ bổ sung kiến thức đối với đối với các trường hợp có bằng tốt nghiệp đại học ngành gần, ngành khác dự tuyển trình độ thạc sĩ y tế công cộng;

c) Chứng chỉ hành nghề đối với người dự tuyển chuyên khoa cấp I;

5.7. Giấy tờ pháp lý minh chứng về đối tượng ưu tiên (nếu có).

5.8. Giấy chứng nhận sức khỏe (theo Thông tư 14/2013/TT-BYT ngày 06/5/2013 của Bộ Y tế) trong thời hạn 6 tháng tính đến ngày nộp hồ sơ;

5.9. Ảnh 3x4 (trong vòng 6 tháng tính đến ngày dự thi) ghi rõ họ tên, ngày sinh và nơi sinh sau ảnh: 04 chiếc

5.10. Hai phong bì thư có dán tem ($\geq 4.000đ$) và ghi rõ địa chỉ người nhận, số điện thoại liên lạc.

Lưu ý:

- Hồ sơ đăng ký dự thi do Trường Đại học Y khoa Vinh phát hành.
- Tất cả giấy tờ được xếp theo thứ tự ghi ở mặt ngoài bì hồ sơ dự tuyển. Hội đồng tuyển sinh chỉ nhận hồ sơ đã có đủ giấy tờ theo quy định.
- Thí sinh giả mạo giấy tờ pháp lý, khai man, gian lận hồ sơ sẽ không được dự thi, nếu dự thi mà bị phát hiện sẽ bị hủy kết quả thi.

6. KINH PHÍ TUYỂN SINH

- Kinh phí đăng ký dự thi : 100.000 đồng/hồ sơ
- Kinh phí dự thi : 200.000 đồng/môn thi

Kinh phí tuyển sinh phải được nộp đủ một lần cùng với hồ sơ đăng ký dự thi; Hồ sơ và lệ phí thi tuyển không được hoàn lại nếu hồ sơ không đủ điều kiện hoặc người dự tuyển bỏ thi.

7. THỜI GIAN PHÁT HÀNH VÀ NHẬN HỒ SƠ

- Phát hành và nhận hồ sơ dự tuyển: Từ ngày 09/05/2022 đến 16h30' ngày 24/06/2022 tại phòng Đào tạo Sau đại học - Trường ĐHYK Vinh.

- Công bố kết quả xét duyệt hồ sơ: Dự kiến ngày 29/06/2022 trên website của Trường ĐHYK Vinh (<http://vmu.edu.vn>).

8. ĐIỀU KIỆN XÉT TUYỂN VÀ XÉT TRÚNG TUYỂN

8.1. Điều kiện xét tuyển: Các môn thi phải đạt 50% của thang điểm mỗi môn thi (sau khi đã cộng điểm ưu tiên, nếu có). Không làm tròn điểm từng môn thi.

8.2. Xét trúng tuyển

- Xét trúng tuyển trình độ thạc sĩ: Tính tổng điểm môn chuyên ngành và môn cơ sở (không tính môn ngoại ngữ), xếp thứ tự từ cao xuống thấp, lấy đến hết chỉ tiêu. Trường hợp người dự tuyển có tổng điểm bằng nhau, xác định người trúng tuyển theo thứ tự: Có điểm môn chuyên ngành cao hơn; Được miễn thi môn ngoại ngữ hoặc có điểm môn ngoại ngữ cao hơn.

- Xét trúng tuyển trình độ chuyên khoa cấp I: Tính tổng điểm môn chuyên ngành và môn cơ sở, xếp thứ tự từ cao xuống thấp, lấy đến hết chỉ tiêu. Trường hợp người dự tuyển có tổng điểm bằng nhau, xét trúng tuyển đối với người có điểm môn chuyên ngành cao hơn.

9. THỜI GIAN THI TUYỂN

- Tập trung thí sinh dự thi: Dự kiến 08h30' ngày 02/07/2022

- Hướng dẫn ôn tập: Dự kiến từ ngày 02/07/2022 đến 02/08/2022.

- Công bố danh sách phòng thi, phổ biến quy chế thi, phát thẻ dự thi: Dự kiến 08h30' ngày 06/08/2022.

- Thời gian thi dự kiến:

+ 14h00' ngày 06/08/2022: Thi môn cơ sở

+ 07h00' ngày 07/08/2022: Thi môn chuyên ngành

+ 14h00' ngày 07/08/2022: Thi môn ngoại ngữ

10. THỜI GIAN CÔNG BỐ KẾT QUẢ THI VÀ NHẬP HỌC

- Công bố kết quả thi: Dự kiến ngày 12/08/2022

- Nhận đơn phúc khảo: Dự kiến từ ngày 15/08/2022 đến 29/08/2022

- Công bố kết quả xét trúng tuyển: Dự kiến ngày 31/08/2022

- Thời gian nhập học: Dự kiến từ ngày 10/09/2022.

Khi cần, xin liên hệ phòng Đào tạo Sau đại học - Trường Đại học Y khoa Vinh (161-Nguyễn Phong Sắc, phường Hưng Dũng, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An), số điện thoại 0238 3524622 - 0943344416 - 0985545898. Thông tin về đào tạo Sau đại học được đăng tải trên Website <http://vmu.edu.vn>.

Nơi nhận:

- Bộ GD&ĐT, Bộ Y tế;
- UBND tỉnh Nghệ An;
- Các cơ sở y tế;
- Lưu VT, SĐH.

HIỆU TRƯỞNG



(Handwritten signature)
Nguyễn Cảnh Phú



PHỤ LỤC

Xét miễn thi ngoại ngữ và Bảng tham chiếu quy đổi một số văn bằng hoặc chứng chỉ ngoại ngữ tương đương Bậc 3 Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam, áp dụng trong tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ
(Kèm theo Thông tư 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào Tạo)



1. Đối tượng được miễn thi ngoại ngữ

a) Có bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành ngôn ngữ nước ngoài; hoặc bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên mà chương trình được thực hiện chủ yếu bằng ngôn ngữ nước ngoài; hoặc bằng tốt nghiệp đại học do cơ sở đào tạo nước ngoài cấp đã được Cục quản lý chất lượng - Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận;

b) Có văn bằng hoặc chứng chỉ ngoại ngữ tương đương Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam trong thời hạn 02 năm từ ngày cấp chứng chỉ đến ngày đăng ký dự thi. Chứng chỉ được cấp bởi các cơ sở đã được Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận đủ điều kiện tổ chức thi đánh giá năng lực ngoại ngữ theo Thông báo số 138/TB-QLCL ngày 08/02/2021 của Cục quản lý chất lượng - Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2. Bảng tham chiếu quy đổi

| TT | Ngôn ngữ | Chứng chỉ/ Văn bằng | Trình độ tương đương Bậc 3 |
|----|------------------|--|--|
| 1 | Tiếng Anh | TOEFL iBT | 30 - 45 |
| | | TOEFL ITP | 450 - 499 |
| | | IELTS | 4.0 - 5.0 |
| | | Cambridge Assessment English | B1 Preliminary/B1 Business Preliminary/Linguaskill. Thang điểm: 140 - 159 |
| | | TOEIC (4 kỹ năng) | Nghe: 275 - 399 Đọc: 275 - 384 Nói: 120 - 159 Viết 120 - 149 |
| 2 | Tiếng Pháp | CIEP/Alliance française diplomas | TCF: 300 – 399 Văn bằng DELF B1 Diplome de Langue |
| 3 | Tiếng Đức | Goethe - Institut | Goethe - Zertifikat B1 |
| | | The German TestDaF language certificate | TestDaF Bậc 3 (TDN 3) |
| 4 | Tiếng Trung Quốc | Hanyu Shuiping Kaoshi (HSK) | HSK Bậc 3 |
| 5 | Tiếng Nhật | Japanese Language Proficiency Test (JLPT) | N4 |
| 6 | Tiếng Nga | ТРКИ - Тест по русскому языку как иностранному | ТРКИ - 1 |